

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Báo cáo tài chính của Công ty đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 14 ngày 04/04/2018.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 02 chi nhánh, 03 công ty con và 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	<i>Các đơn vị phụ thuộc</i>	
-	<i>Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Sài Gòn)</i>	<i>M003B Cao ốc Phú Nhuận, số 20 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh</i>
-	<i>Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Đà Nẵng)</i>	<i>Tầng 3, Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng</i>
	<i>Công ty con</i>	
-	<i>Công ty PT CLEVER ADS</i>	<i>Tầng 10 khu biệt thự 1B Jakarta – Thành phố Thamrin, Đại lộ Thamrin, Jakarta Pusat 10340</i>
-	<i>Công ty TNHH Quảng cáo thông minh MYANMAR</i>	<i>Nhà số 1D, Tòa nhà Stadium View, đường Bo Min Yaung (góc giao với đường Mandalay), quận Mingalar Taungnyunt, thành phố Yangon, Myanmar</i>
-	<i>Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh</i>	<i>Số 26 ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội</i>
	<i>Công ty liên kết</i>	
-	<i>Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo thông minh</i>	<i>Tòa nhà 46 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội</i>

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 -845, CPC 849);*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*

Công ty có trụ sở chính tại số nhà 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Khánh Trinh Chủ tịch Hội đồng quản trị *Bổ nhiệm lại từ ngày 30/5/2018*
- Bà Lưu Hoàng Anh Ủy viên Hội đồng quản trị *Bổ nhiệm từ ngày 30/5/2018*
- Bà Đôn Nữ Đức Hiền Ủy viên Hội đồng quản trị *Bổ nhiệm từ ngày 30/5/2018*
- Ông Dư Khắc Châu Ủy viên Hội đồng quản trị *Bổ nhiệm lại từ ngày 30/5/2018*
- Ông Lee SangSeok Ủy viên Hội đồng quản trị *Bổ nhiệm từ ngày 30/5/2018*
- Ông Phó Đức Giang Ủy viên Hội đồng quản trị *Bổ nhiệm từ ngày 30/5/2018*
- Ông Phạm Thanh Hải Ủy viên Hội đồng quản trị *Bổ nhiệm từ ngày 30/5/2018*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Khánh Trình Giám đốc
- Bà Đôn Nữ Đức Hiền Phó Giám đốc
- Bà Lưu Hoàng Anh Giám đốc chi nhánh Sài Gòn
- Bà Trần Thị Minh Tình Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



NGUYỄN KHÁNH TRÌNH

Giám đốc

AC
DN
TN
EM
VII
HA
HAI

Số: 92/2019/BCKT - CPAMB

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh, được lập ngày 29/03/2019 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

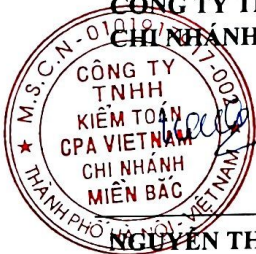
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM –
CHI NHÁNH MIỀN BẮC****NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN****Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Tg**NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.918.105.702	83.267.287.363
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.927.349.361	20.085.277.788
1. Tiền	111		11.927.349.361	20.085.277.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.175.000.000	34.400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.7.2	33.175.000.000	34.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.794.363.310	28.710.875.029
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.1	24.093.453.871	24.205.069.929
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.1	344.350.000	77.556.100
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	1.000.000.000	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.2	3.356.559.439	2.428.249.000
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.393.031	71.134.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.1	21.393.031	56.635.175
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	14.499.372
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.778.614.232	24.641.875.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.060.960.949	3.997.559.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.060.960.949	3.997.559.054
- Nguyên giá	222		12.152.150.636	8.079.543.363
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.091.189.687)	(4.081.984.309)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	8.504.095.553	-
- Nguyên giá	231		8.504.095.553	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	8.130.386.445
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5.1	-	8.130.386.445
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.669.363.824	12.170.610.070
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7.1	6.465.125.000	1.965.125.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7.1	1.756.000.000	1.756.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.7.1	(282.943.176)	(281.696.930)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.7.2	8.731.182.000	8.731.182.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.544.193.906	343.320.158
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	1.544.193.906	343.320.158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.696.719.934	107.909.163.090

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.381.547.566	53.866.645.858
I. Nợ ngắn hạn	310		33.381.547.566	53.866.645.858
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.1	17.003.860.004	42.576.823.921
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.1	3.551.070.366	2.429.911.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.1	8.537.286.958	6.648.307.291
4. Phải trả người lao động	314		2.166.442.432	43.129.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.122.887.806	2.168.473.662
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.315.172.368	54.042.517.232
I. Vốn chủ sở hữu	410		74.315.172.368	54.042.517.232
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	50.000.000.000	35.345.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	35.345.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.315.172.368	18.696.917.232
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.042.517.232	2.503.880.461
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.272.655.136	16.193.036.771
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.696.719.934	107.909.163.090







NGUYỄN THỊ HỜI

Người lập

NGUYỄN THỊ HỜI

Kế toán trưởng

NGUYỄN KHÁNH TRÌNH

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	329.917.969.566	242.867.077.038
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	329.917.969.566	242.867.077.038
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	290.748.126.095	204.671.282.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.169.843.471	38.195.794.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	4.788.377.664	1.403.511.941
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	181.815.697	9.232.433
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.21	10.174.442.798	13.466.240.518
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.22	7.435.867.732	5.595.040.442
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.166.094.908	20.528.792.712
11. Thu nhập khác	31	VI.23	4.138.413	2.814.952
12. Chi phí khác	32	VI.23	591.932.748	159.872.796
13. Lợi nhuận khác	40		(587.794.335)	(157.057.844)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.578.300.573	20.371.734.868
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	5.305.645.437	4.178.698.097
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.272.655.136	16.193.036.771
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019



NGUYỄN THỊ HÒAI
Người lập



NGUYỄN THỊ HÒAI
Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRINH
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.578.300.573	20.371.734.868
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.168.912.448	840.784.733
- Các khoản dự phòng	03	1.246.246	9.232.432
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	15.959.539	(453.209.419)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.598.095.644)	(950.302.522)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	22.166.323.162	19.818.240.093
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.501.748.145	7.371.409.984
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.768.853.123)	40.310.200.948
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.165.631.604)	73.523.787
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.998.557.355)	(2.930.822.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.264.970.775)	64.642.552.501
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.887.214.563)	(9.030.459.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	90.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(43.131.182.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.225.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.500.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.217.640.609	55.592.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.853.664.863)	(52.106.049.027)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.900.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.900.000.000)	(3.394.730.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(3.394.730.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(8.118.635.637)	9.141.773.474
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.085.277.788	10.945.699.435
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(39.292.790)	(2.195.121)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.927.349.361	20.085.277.788



NGUYỄN THỊ HÒAI
Người lập



NGUYỄN THỊ HÒAI
Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRINH
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 14 ngày 04/04/2018.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 02 chi nhánh, 03 công ty con và 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	<i>Các đơn vị phụ thuộc</i>	
-	<i>Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Sài Gòn)</i>	<i>M003B Cao ốc Phú Nhuận, số 20 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh</i>
-	<i>Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Đà Nẵng)</i>	<i>Tầng 3, Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng</i>
	<i>Công ty con</i>	
-	<i>Công ty PT CLEVER ADS</i>	<i>Tầng 10 khu biệt thự 1B Jakarta – Thành phố Thamrin, Đại lộ Thamrin, Jakarta Pusat 10340</i>
-	<i>Công ty TNHH Quảng cáo thông minh MYANMAR</i>	<i>Nhà số 1D, Tòa nhà Stadium View, đường Bo Min Yaung (góc giao với đường Mandalay), quận Mingalar Taungnyunt, thành phố Yangon, Myanmar</i>
-	<i>Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh</i>	<i>Số 26 ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội</i>
	<i>Công ty liên kết</i>	
-	<i>Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo thông minh</i>	<i>Tòa nhà 46 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội</i>

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Công thông tin (trừ loại Nhà nước cấm);*
- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);*
- *Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải).*

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường là 12 tháng.

Công ty có trụ sở tại số nhà 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 167 người, trong đó cán bộ quản lý là 13 người. (Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 118 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
Đồng tiền sử dụng trong kế toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty được tổng hợp từ báo cáo của văn phòng Hà Nội và các chi nhánh Sài Gòn và Đà Nẵng. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp cộng báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

K
P
A
C
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Tỷ giá được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, các khoản trả trước cho người bán, các khoản phải trả là tỷ giá quy đổi do Google Ireland Ltd và Face Book Ireland Limited thông báo.

- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: các khoản phải trả, khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được dịch vụ.

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên có các tài khoản tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2018. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2018.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị quản lý	03 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là nhà Long Long Khánh 04 – Song Lập 40 – Vinhomes Thăng Long. Do là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao. Trong năm cũng không phát sinh bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ bị giảm giá so với giá thị trường.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và phí sử dụng đường bộ được phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ trong thời gian 12 tháng, chi phí thuê đặt chỗ máy chủ được phân bổ trong thời gian 6 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng, phí sử dụng đường bộ được phân bổ trong thời gian từ 18 đến 30 tháng và cước sử dụng Internet được phân bổ trong thời gian 14 tháng và chi phí quảng cáo được phân bổ khi ghi nhận doanh thu tương ứng.

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và khoản lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc cung cấp dịch vụ quảng cáo. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, cho vay, lãi từ đầu tư trái phiếu và thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Lãi tiền gửi và cho vay, từ đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ cung cấp hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá và dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bộ phận bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (Tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, cháy nổ, tiếp khách, mua vé máy bay...); chi phí bằng tiền khác (CF mua đồ dùng văn phòng, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản giảm trừ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chi tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt tại quỹ	(i)	352.679.828	2.000.944.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	11.574.669.533	18.084.333.197
Các khoản tương đương tiền		-	-
Cộng		11.927.349.361	20.085.277.788

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	352.679.828
Cộng	352.679.828

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:

	USD	VND
Văn phòng Hà Nội		8.512.382.150
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Quang Trung		5.836.515.757
+ Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng - CN Thăng Long		45.398.972
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hà Nội		518.409
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PTVN - CN Quang Trung		4.216.687
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Thăng Long		29.388.849
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hoàn Kiếm		95.584.709
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Định Công		2.243.502.940
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Trụ sở chính		178.320.270
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hà Nội	467,82	10.900.206
+ Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Hoàng Cầu		55.044.266
+ Ngân hàng Citibank Việt Nam	561,17	12.991.085
Chi nhánh Sài Gòn		2.598.617.237
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Phú Nhuận		2.592.740.045
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Phú Nhuận	252,24	5.877.192
Chi nhánh Đà Nẵng		463.670.146
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng		463.670.146
Cộng	1.281,23	11.574.669.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

2. Phải thu khách hàng

2.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty cổ phần Trò chơi VEGA	100.778.411	514.418.724
CÔNG TY TNHH GRABTAXI	4.272.294.445	943.465.742
Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	40.971.645	2.979.872.453
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tân Hiệp Phát	1.285.690.647	36.458.775
Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm bán lẻ	-	2.241.857.452
Công ty cổ phần Giải trí và Thể thao điện tử Việt Nam	1.335.305.771	4.556.849.063
Công ty cổ phần Foody	-	2.130.720.342
Công ty cổ phần Bạch Minh	762.335.038	425.582.854
Công ty TNHH GPAY NETWORK Việt Nam	1.033.099.054	-
Các khách hàng còn lại	15.262.978.860	10.375.844.524
Cộng	<u>24.093.453.871</u>	<u>24.205.069.929</u>

2.2 Phải thu của khách hàng với các bên có liên quan

Chi tiết tại mục VII.1 - Thông tin về các bên có liên quan.

3. Trả trước cho người bán

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – CN Miền Bắc	49.500.000	-
Công ty cổ phần Magic	133.650.000	-
Công ty TNHH TDX	54.450.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	60.000.000	60.000.000
Công ty cổ phần Dịch vụ và Du lịch VIETSENSE	-	12.100.000
Công ty cổ phần truyền thông Việt Nam (VCCorp)	24.200.000	5.456.100
Các nhà cung cấp còn lại	22.550.000	-
Cộng	<u>344.350.000</u>	<u>77.556.100</u>

3.2 Trả trước cho người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại mục VII.1 - Thông tin về các bên có liên quan.

4. Các khoản phải thu khác

4.1 Phải thu về cho vay

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty cổ phần Tập đoàn quản lý tài sản Trí Việt (*)	1.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

(*): Đây là khoản phải thu cho vay theo hợp đồng vay vốn số 5384.23112018/HĐVV-TVC ngày 23/11/2018 với thời hạn 3 tháng và lãi suất 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)

4.2. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phải thu BHXH nộp thừa	13.703.456	-
Chi hộ Công ty cổ phần Review Thông Minh	69.537.665	-
Phải thu Thuế GTGT nhà thầu	1.376.953.764	1.511.038.623
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	227.696.163	97.716.666
Lãi dự thu tiền vay	22.000.000	21.322.222
Lãi dự thu trái phiếu có kỳ hạn	1.321.040.891	775.671.489
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	325.627.500	22.500.000
+ Ký quỹ thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ Google Apps năm 2018 cho Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình	2.500.000	2.500.000
+ Ký quỹ thuê văn phòng	323.127.500	20.000.000
Cộng	3.356.559.439	2.428.249.000

5. Tài sản dở dang dài hạn

5.1. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Xây dựng cơ bản	-	-
+ CF đầu tư công trình tại Vinhomes Thăng Long	-	8.130.386.445
Cộng	-	8.130.386.445

6. Chi phí trả trước

6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.393.031	1.002.272
Chi phí thuê máy chủ	-	33.832.903
Chi phí thuê văn phòng	-	20.000.000
Phí sử dụng đường bộ	-	1.800.000
Cộng	21.393.031	56.635.175

6.2. Chi phí trả trước dài hạn

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	702.924.010	300.258.503
Chi phí sửa chữa văn phòng	776.722.681	41.250.000
Cước sử dụng internet	2.742.857	-
Chi phí dịch vụ quảng cáo	54.608.358	-
Phí sử dụng đường bộ	7.196.000	1.811.655
Cộng	1.544.193.906	343.320.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. Các khoản đầu tư tài chính

7.1 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	6.465.125.000	-	6.465.125.000	1.965.125.000	-	1.965.125.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.756.000.000	282.943.176	1.473.056.824	1.756.000.000	281.696.930	1.474.303.070
Cộng	8.221.125.000	282.943.176	7.938.181.824	3.721.125.000	281.696.930	3.439.428.070

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng đã trích lập.

7.1.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH PT CLEVERADS	Hoạt động tư vấn quản lý khác		95%	1.965.125.000	-	95%	1.965.125.000
Công ty cổ phần Review Thông Minh	Quảng cáo	450.000	70%	4.500.000.000			-
Tổng giá trị các khoản đầu tư vào công ty con				6.465.125.000			1.965.125.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con				-			-
Giá trị thuần của các khoản đầu tư vào công ty con				6.465.125.000			1.965.125.000

7.1.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh (*)	Quảng cáo trên điện thoại di động	175.600	40%	1.756.000.000	175.600	40%	1.756.000.000
Tổng giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết				1.756.000.000			1.756.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết				(282.943.176)			(281.696.930)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư vào công ty liên kết				1.473.056.824			1.474.303.070

(*): Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh tỷ lệ góp vốn vào Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****7. Các khoản đầu tư tài chính****7.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	7.600.000.000	7.600.000.000	7.600.000.000	5.200.000.000
- Trái phiếu (**)	25.575.000.000	25.575.000.000	25.575.000.000	29.200.000.000
+ Trái phiếu công ty ATAKA	25.575.000.000	25.575.000.000	25.575.000.000	13.300.000.000
+ Trái phiếu công ty AZURA	-	-	-	3.500.000.000
+ Trái phiếu công ty HABUKA	-	-	-	3.400.000.000
+ Trái phiếu công ty YAMAGATA	-	-	-	9.000.000.000
Cộng	33.175.000.000	33.175.000.000	33.175.000.000	34.400.000.000
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu (**)	8.731.182.000	-	8.731.182.000	8.731.182.000
+ Trái phiếu công ty VNDIRECT	8.731.182.000	-	8.731.182.000	8.731.182.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	8.731.182.000	-	8.731.182.000	8.731.182.000

(*) : Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 6.4%/năm đến 6,8%/năm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

(**): Đây là các khoản Trái phiếu có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng (đối với Trái phiếu ngắn hạn) và có kỳ hạn 24 tháng (đối với Trái phiếu dài hạn) theo lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng mua bán trái phiếu.

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2018	-	-	7.782.495.363	297.048.000	-	8.079.543.363
Mua trong năm	-	-	4.473.960.000	39.545.455	-	4.513.505.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(440.898.182)	-	-	(440.898.182)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	11.815.557.181	336.593.455	-	12.152.150.636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2018	-	-	3.830.903.087	251.081.222	-	4.081.984.309
Khấu hao trong năm	-	-	1.138.372.652	30.539.796	-	1.168.912.448
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(159.707.070)	-	-	(159.707.070)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	4.809.568.669	281.621.018	-	5.091.189.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2018	-	-	3.951.592.276	45.966.778	-	3.997.559.054
Tại ngày 31/12/2018	-	-	7.005.988.512	54.972.437	-	7.060.960.949

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố cho vay:

1.430.247.000 đồng
- đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

9. Tăng giảm bất động sản đầu tư

	31/12/2018	01/01/2018
Bất động sản đầu tư cho thuê	-	-
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	8.504.095.553	-
Cộng	8.504.095.553	-

9.1 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà của vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	8.504.095.553	8.504.095.553
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	8.504.095.553	8.504.095.553
TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	8.504.095.553	8.504.095.553
GIÁ TRỊ HỢP LÝ			
Tại ngày 31/12/2018	-	8.504.095.553	8.504.095.553

Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: - đồng
Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: - đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

10. Phải trả người bán

10.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Sỏi biển trung thực	-	-	148.016.930	148.016.930
Công ty cổ phần VNG	13.282.500	13.282.500	92.482.500	92.482.500
Công ty cổ phần SKYTUBE	130.269.840	130.269.840	292.900.390	292.900.390
Công ty TNHH Face Book Ireland	13.913.297.904	13.913.297.904	21.787.867.803	21.787.867.803
Công ty Google Ireland	2.855.890.445	2.855.890.445	20.103.563.006	20.103.563.006
Phải trả cho các đối tượng khác	91.119.315	91.119.315	151.993.292	151.993.292
Cộng	17.003.860.004	17.003.860.004	42.576.823.921	42.576.823.921

10.2 Các khoản phải trả người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh VII - Thông tin về các bên có liên quan.

11. Người mua trả tiền trước

11.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Hồng Hạc Đại Lài	626.294.086	626.294.086	-	-
Công ty cổ phần Tích hợp Dịch vụ số	233.200.000	233.200.000	-	-
Công ty TNHH đào tạo và chứng nhận IPC (QINGDAO)	209.778.113	209.778.113	-	-
Công ty cổ phần Tinh Tươi	254.100.000	254.100.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và đào tạo Anh Vũ	68.275.635	68.275.635	105.600.000	105.600.000
Công ty Sản xuất thép Úc SSE	-	-	105.939.900	105.939.900
Ngân hàng TMCP Quốc dân	-	-	122.182.500	122.182.500
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	-	-	105.600.000	105.600.000
Công ty TNHH Mỹ phẩm Mira	-	-	132.000.000	132.000.000
Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	-	-	640.000.000	640.000.000
Công ty cổ phần YOURS VIETNAM	-	-	118.000.000	118.000.000
Các đối tượng khác	2.159.422.532	2.159.422.532	1.100.589.437	1.100.589.437
Cộng	3.551.070.366	3.551.070.366	2.429.911.837	2.429.911.837

11.2 Người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh VII - Thông tin về các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

12.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng	2.085.049.035	16.007.771.133	(15.243.998.098)	2.848.822.070
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.391.706.106	5.305.645.436	(3.998.557.354)	3.698.794.188
Thuế thu nhập cá nhân	193.220.725	240.919.209	(372.570.763)	61.569.171
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1.978.331.425	1.928.101.529	(1.978.331.425)	1.928.101.529
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	-	-
Cộng	6.648.307.291	23.482.437.307	(21.593.457.640)	8.537.286.958

13. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	157.762.806	157.762.806	94.944.118	94.944.118
Bảo hiểm xã hội	-	-	65.087.590	65.087.590
Bảo hiểm y tế	-	-	11.486.045	11.486.045
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	5.110.909	5.110.909
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.965.125.000	1.965.125.000	1.991.845.000	1.991.845.000
+ Phải trả Ông Nguyễn Khánh Trình (*)	1.965.125.000	1.965.125.000	1.965.125.000	1.965.125.000
+ Phải trả khác	-	-	26.720.000	26.720.000
Cộng	2.122.887.806	2.122.887.806	2.168.473.662	2.168.473.662

(*): Đây là khoản phải trả đầu tư vào công ty TNHH PT CleverAds (Công ty con) cho ông Nguyễn Khánh Trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****14. *Vay và nợ thuế tài chính***Các khoản vay

	01/01/2018		Phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	3.900.000.000	(3.900.000.000)	-	-
+ Vay ông Nguyễn Khánh Trinh	-	-	3.600.000.000	(3.600.000.000)	-	-
+ Vay ông Dư Khắc Châu	-	-	300.000.000	(300.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	3.900.000.000	(3.900.000.000)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tiếp theo)**

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	5.599.990.000	-	2.503.880.461	8.103.870.461
Tăng vốn trong năm trước	29.745.610.000	-	-	29.745.610.000
Lãi trong năm trước	-	-	16.193.036.771	16.193.036.771
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	474.203.119	-	474.203.119
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-
Giảm khác	-	(474.203.119)	-	(474.203.119)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	35.345.600.000	-	18.696.917.232	54.042.517.232
Tăng vốn trong năm nay	14.654.400.000	-	-	14.654.400.000
Lãi trong năm nay	-	-	20.272.655.136	20.272.655.136
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	15.959.539	-	15.959.539
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Chuyển LN để tăng vốn	-	-	(14.654.400.000)	(14.654.400.000)
Giảm khác	-	(15.959.539)	-	(15.959.539)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	-	24.315.172.369	74.315.172.369

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Vốn pháp định</i>		<i>Vốn pháp định đã góp</i>	<i>Vốn pháp định chưa góp</i>
	<i>Số tiền theo giấy ĐKKD</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>		
Phía Việt Nam	32.495.930.000	64,99%	32.495.930.000	-
Nguyễn Khánh Trinh	31.402.470.000		31.402.470.000	-
Dư Khắc Châu	1.093.460.000		1.093.460.000	-
Phía nước ngoài	17.504.070.000	35,01%	17.504.070.000	-
CyberAgent Ventures Inc.	751.230.000		751.230.000	-
Yello Digital Marketing Global PTE. LTD	16.752.840.000		16.752.840.000	-
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.345.600.000	5.599.990.000
+ Vốn góp tăng trong năm	14.654.400.000	29.745.610.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	35.345.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.654.400.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu:

	Năm 2018	Năm 2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	3.534.560
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	3.534.560
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.534.560
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	3.534.560
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.534.560

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ	Năm 2018	Năm 2017
USD	1.281,23	300.224,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	329.917.969.566	242.867.077.038
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	329.917.969.566	242.867.077.038
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	329.917.969.566	242.867.077.038
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	329.917.969.566	242.867.077.038

18. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	290.748.126.095	204.671.282.874
Cộng	290.748.126.095	204.671.282.874

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	4.788.377.664	950.302.522
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	453.209.420
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	4.788.377.664	1.403.511.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

20. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền vay	-	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	180.569.451	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.246.246	9.232.433
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	181.815.697	9.232.433

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	2.902.420.848	3.099.349.204
Chi phí vật liệu quản lý	279.259.254	101.662.111
Chi phí đồ dùng văn phòng	413.589.571	353.922.662
Chi phí khấu hao TSCĐ	879.438.194	813.973.247
Thuế, phí và lệ phí	200.948.696	122.683.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.747.787.079	1.099.543.637
Chi phí bằng tiền khác	12.424.090	3.906.345
Cộng	7.435.867.732	5.595.040.442

22. Chi phí bán hàng

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	9.793.450.908	11.513.728.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	369.920.456	1.815.892.939
Chi phí khác bằng tiền	11.071.434	136.619.005
Cộng	10.174.442.798	13.466.240.518

23. Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập khác	4.138.413	2.814.952
Xử lý công nợ không còn nghĩa vụ chi trả	103.019	31.803
Thu nhập khác	4.035.394	2.783.149
Chi phí khác	591.932.748	159.872.796
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	190.282.021	-
Xử lý công nợ phải thu do khách hàng	21	48.049
Các khoản phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp	28.113.546	124.449.625
Khấu hao TSCĐ không được tính vào chi phí được trừ	289.474.254	-
Thuế GTGT đầu vào của KH ngừng hoạt động	691.999	6.563.636
Chi phí khác	83.370.907	28.811.486
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(587.794.335)	(157.057.844)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	692.848.825	554.516.591
Chi phí nhân công	19.366.243.729	23.172.672.733
Chi phí khấu hao TSCĐ	879.438.194	813.973.247
Chi phí thuê, thuê đất	200.948.696	285.845.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.195.461.657	198.765.030.079
Chi phí khác bằng tiền	23.495.524	140.525.350
Cộng	308.358.436.625	223.732.563.834

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.220.730.385	4.178.698.097
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNNH của năm nay	84.915.052	-
Cộng	5.305.645.437	4.178.698.097

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	25.578.300.573	20.371.734.868
<u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u>	<u>525.351.349</u>	<u>521.755.618</u>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>525.351.349</u>	<u>521.755.618</u>
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	194.906.566	421.882.891
Lỗi chênh lệch đánh giá lại các khoản TGNH	40.970.529	-
Chi phí khấu hao không hợp lệ	289.474.254	99.872.727
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	26.103.651.922	20.893.490.486
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	26.103.651.922	20.893.490.486
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	5.220.730.384	4.178.698.097
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.391.706.106	1.143.830.320
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) kỳ trước	84.915.052	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(3.998.557.354)	(2.930.822.311)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.698.794.188	2.391.706.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2018, các bên được nhận biết là bên liên quan đến công ty là Công ty TNHH PT CleverAds, công ty cổ phần Review Thông minh (Công ty con), Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh (Công ty liên kết), Công ty cổ phần kho ứng dụng thông minh (Công ty cùng CSH), Công ty cổ phần Sói biển trung thực (Công ty cùng CSH), CleverAds Philippines Corporation (Công ty cùng CSH), Công ty cổ phần phần mềm 365 (Công ty cùng CSH), Công ty cổ phần JobsGO (Công ty cùng CSH), ông Nguyễn Khánh Trình (Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc) và các cổ đông góp vốn trong Công ty.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	Vay ngắn hạn	3.600.000.000	2.653.480.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	Trả nợ vay	3.600.000.000	2.653.480.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	Chuyển vay thành vốn	-	23.320.190.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	Phải trả do mua lại khoản đầu tư vào Công ty con	-	1.965.125.000
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Vay ngắn hạn	300.000.000	-
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Trả nợ vay	300.000.000	741.250.000
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Chuyển vay thành vốn	-	758.750.000

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tiền lương và phụ cấp	1.724.040.000	1.930.053.772
Tiền thưởng	203.800.000	429.750.000
Cộng	1.927.840.000	2.359.803.772

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
I. Phải trả người bán				
Công ty cổ phần Sói biển trung thực	Công ty cùng CSH	Chi phí mua thực phẩm	44.864.385	332.223.930
	Công ty cùng CSH	Trả tiền mua thực phẩm	194.592.539	184.207.000
Công ty cổ phần JobsGo	Công ty cùng CSH	Chi phí tuyển dụng	15.287.500	-
	Công ty cùng CSH	Trả phí tuyển dụng	16.816.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Nghiệp vụ với các bên liên quan (Tiếp theo):

Giao dịch với các bên liên quan khác (Tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ (Tiếp theo):

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
I. Phải trả người bán				
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	Công ty liên kết	Mua DV quảng cáo	-	440.277.446
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Công ty cùng CSH	Mua DV quảng cáo	-	394.357.909
	Công ty cùng CSH	Trả tiền hàng	-	110.292.800
II. Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp DV quảng cáo	2.125.167.366	2.541.393.694
	Công ty con	Thu tiền hàng	2.337.684.102	2.795.533.062
Công ty cổ phần Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp DV quảng cáo	54.125.150	-
Công ty cổ phần Sói biển trung thực	Công ty cùng CSH	Mua DV quảng cáo	69.482.198	332.223.930
	Công ty cùng CSH	Trả tiền hàng	76.430.417	184.207.000
Công ty CleverAds Philippines Corporation	Công ty cùng CSH	Cung cấp DV quảng cáo	6.919.373.473	15.456.759.236
	Công ty cùng CSH	Thu tiền hàng	7.611.310.820	17.002.435.160
Công ty cổ phần JobsGo	Công ty cùng CSH	Cung cấp DV quảng cáo	249.708.872	-
	Công ty cùng CSH	Thu tiền hàng	274.679.758	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
I. Phải thu khách hàng			
1. Công ty cổ phần Review Thông minh	Công ty con	59.537.665	-
II. Phải thu khác			
1. Công ty cổ phần Review Thông minh	Công ty con	69.537.665	-
III. Phải trả người bán			
1. Công ty cổ phần Sói biển trung thực	Công ty cùng CSH	-	148.016.930
IV. Phải trả, phải nộp khác			
1. Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	1.965.125.000	1.965.125.000

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá dịch vụ của các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

2. *Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ*

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. *Thông tin so sánh*

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

NGUYỄN THỊ HÒI
Người lập

NGUYỄN THỊ HÒI
Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRINH
Giám đốc

